

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/10/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Khánh và ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1991

HKTT: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phan Văn T và bị đơn bà Trần Thị L thống nhất trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn T và bà Trần Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên hay kinh cãi. Hai bên đã sống xa nhau từ tháng 10 năm 2020, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T xin ly hôn, bà L đồng ý ly hôn.

Con chung: vợ chồng có hai con chung là Phan Văn Nguyên T, sinh ngày 25/7/2011 và Phan Kim Quỳnh N, sinh ngày 17/8/2014. Cháu T đang ở với ông T, cháu N đang ở với bà L. Khi ly hôn, ông T và bà L thống nhất giao cháu T cho ông T nuôi, giao cháu N cho bà L nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, các bên đương sự không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt do điều kiện ở xa. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Phan Văn T được ly hôn bà Trần Thị L; về con chung: giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà Trần Thị L, trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn ông T, bị đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông T và bà L tự nguyện kết hôn vào năm 2010, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2010, ngày 14/9/2010 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, quan điểm bất đồng, hay kinh cãi, hai bên đã sống xa nhau từ tháng 10 năm 2020, không ai quan tâm ai. Xét mâu thuẫn giữa ông T, bà

L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông T, bà L.

[2.2] Con chung: ông T và bà L có 02 con chung là Phan Văn Nguyên T, sinh ngày 25/7/2011 và Phan Kim Quỳnh N, sinh ngày 17/8/2014. Cháu T hiện do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N hiện do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông T và bà L thống nhất giao cháu T cho ông T nuôi, giao cháu N cho bà L nuôi; ông T, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con; nên công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Ông T, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Trần Thị L.

[2] Về con chung: giao cho ông Phan Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phan Văn Nguyên T, sinh ngày 25/7/2011; giao cho bà Trần Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phan Kim Quỳnh N, sinh ngày 17/8/2014. Ông Phan Văn T, bà Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Văn T, bà Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: ông Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006400 ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Đông Hoà;
- Chi cục THADS TX. Đông Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lệ Hiền